**KỲ THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2025**  
 **ĐỀ SỐ 9 MÔN: TIẾNG ANH**  
 **(Đề thi có 06 trang)** *Thời gian làm bài 50 phút, không kể thời gian phát đề*

**Họ, tên thí sinh:** ...........................................  
**Số báo danh:** ................................................

***Read the following advertisement and mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the option that best fits each of the numbered blanks.***

**Master English with Our Exciting, Compact, and Modern Course!**

Are you ready to improve your English and unlock a world of opportunities? Our (1)\_\_\_\_\_\_\_\_ courseis tailored to fit your busy schedule while delivering exceptional results. Whether you're preparing (2)\_\_\_\_\_\_\_\_ exams, enhancing your communication skills, or aiming to excel in business, this course has everything you need. With expert instructors (3)\_\_\_\_\_\_\_\_ guide you step by step, you'll build confidence and fluency in no time.

Our (4)\_\_\_\_\_\_\_\_\_ classes include speaking sessions, grammar drills, and practical exercises, ensuring that you gain real-world skills. Plus, we invite all students to (5)\_\_\_\_\_\_\_\_ a visit to our state-of-the-art learning center, where you can experience our advanced teaching methods firsthand. Don’t miss this chance (6)\_\_\_\_\_\_\_\_\_ a vibrant community of learners and take the next step in mastering English. Sign up today and start your journey toward success!

(Adapted from *English Material Trang Anh*)

**Question 1:** **A.** exciting modern English **B.** modern exciting English

**C.** English exciting modern **D.** modern English exciting

Theo order of adjectives (Opinion, Size, Age, Shape, Color, Origin, Material, Purpose), câu trả lời đúng là "exciting modern English course" với thứ tự Opinion (exciting), Age (modern), và Origin/Purpose (English).

**Question 2:** **A.** on **B.** of **C.** for **D.** about

PREPARE FOR = CHUẨN BỊ CHO

**Question 3:** **A.** who **B.** whom **C.** whose **D.** which

Instructors = người hướng dẫn  
WHO + V/S + V  
WHOM + S+V  
WHOSE + N  
WHICH + V/S + V ( vật)

**Question 4:** **A.** interact **B.** interactive **C.** interaction **D.** interactively

TÍNH TỬ SỞ HỮU + TÍNH TỪ + DANH TỪ  
Ta có: A-động B-tính C-danh D-trạng

**Question 5:** **A.** put **B.** give **C.** make **D.** pay

PAY A VISIT = GHÉ THĂM, THAM QUAN

**Question 6:** **A.** join **B.** to join **C.** joining **D.** to joining

TO VO DÙNG ĐỂ CHỈ MỤC ĐÍCH ( Đừng bỏ lỡ cơ hội ĐỂ tham gia)

***Read the following leaflet and mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the option that best fits each of the numbered blanks.***

**Join Our Cooking Course – Discover Your Inner Chef!**

Have you always wanted to (7)\_\_\_\_\_\_\_\_ cooking but didn’t know where to start? Our cooking classes are designed to help you develop new skills in the kitchen, whether you're a beginner or an experienced cook looking to enhance your abilities. With our hands-on approach, you will explore different cuisines and cooking techniques that will impress your family and friends.

**Why Choose Our Cooking Course?**

* **Learn from experts**: Our professional chefs are excited to share with you their knowledge and (8)\_\_\_\_\_\_\_\_\_ for cooking. They will guide you step-by-step, ensuring you feel confident and capable in the kitchen.
* **Flexible schedule**: We understand that you may have a busy lifestyle, so (9)\_\_\_\_\_\_\_\_ you have a couple of hours a week, we have classes at various times to fit your schedule. If one time doesn’t work for you, just book (10)\_\_\_\_\_\_\_\_session that fits your calendar.
* **Delicious and diverse recipes**: In each class, you will learn about preparing a wide range of dishes from around the world. From Italian pasta to Thai curries, you’ll (11)\_\_\_\_\_\_\_\_ various cuisines and cooking styles.
* **A fun and social experience**: Cooking isn’t just about food; it’s about having fun and (12)\_\_\_\_\_\_\_\_with others.

(Adapted from *English Material Trang Anh*)

**Question 7:** **A.** pick up **B.** put out **C.** take on **D.** turn up

Cụm động từ "pick up" có nghĩa là học, tiếp thu, rất phù hợp khi nói về việc học nấu ăn. Câu sẽ có nghĩa là: "Bạn đã luôn muốn học nấu ăn nhưng không biết bắt đầu từ đâu?"  
Các đáp án khác:  
put out: Đưa ra, dập tắt (không phù hợp với ngữ cảnh học hỏi).  
take on: Đảm nhận (thường dùng khi nhận nhiệm vụ, công việc, không hợp trong ngữ cảnh học nấu ăn).  
turn up: Xuất hiện (không phù hợp với việc học một kỹ năng mới).

**Question 8:** **A.** empathy **B.** concern **C.** devotion **D.** passion

"Passion" là sự đam mê, thích hợp nhất trong ngữ cảnh nấu ăn. Câu này có nghĩa là các đầu bếp chuyên nghiệp chia sẻ với bạn sự đam mê của họ đối với nấu ăn.  
empathy: Sự đồng cảm  
concern: Mối quan tâm  
devotion: Sự cống hiến

**Question 9:** **A.** as well as **B.** as long as **C.** in case **D.** in time

"As long as" có nghĩa là "miễn là", phù hợp khi nói đến điều kiện về thời gian để tham gia lớp học.  
Các đáp án khác:  
as well as: Có nghĩa là "cũng như", không phù hợp trong ngữ cảnh điều kiện thời gian.  
in case: "In case" nghĩa là "trong trường hợp", không hợp trong ngữ cảnh này.  
in time: Có nghĩa là đúng giờ, nhưng không liên quan đến điều kiện tham gia lớp học.

**Question 10:** **A.** another **B.** other **C.** others **D.** the other

Others  
Cách dùng: "Other" được dùng như một tính từ, nghĩa là "khác".  
Vị trí: Đứng trước danh từ đếm được số nhiều hoặc danh từ không đếm được.  
Cách dùng: "Others" là đại từ, nghĩa là "những cái khác" hoặc "những người khác", khi ta không cần nhắc lại danh từ phía sau.  
Vị trí: Đứng một mình mà không đi kèm với danh từ.  
Another  
Cách dùng: "Another" là một tính từ, nghĩa là "một cái khác" hoặc "một người khác".  
Vị trí: Đứng trước danh từ số ít hoặc khi ám chỉ một cái/người khác.  
The others  
Cách dùng: "The others" là một đại từ, nghĩa là "những cái còn lại" hoặc "những người còn lại" khi muốn nói đến những cái/người đã được xác định trước.  
Vị trí: Đứng một mình mà không đi kèm với danh từ.

**Question 11:** **A.** investigate **B.** discover **C.** probe **D.** explore

"Explore" có nghĩa là khám phá, rất phù hợp trong ngữ cảnh nấu ăn khi bạn sẽ khám phá các món ăn từ các nền văn hóa khác nhau.  
investigate: Điều tra, không phù hợp khi nói về việc học nấu ăn.  
discover: Phát hiện ( những thứ chưa được tìm ra)  
probe: Khám phá, điều tra (không phù hợp khi nói về việc học nấu ăn)

**Question 12:** **A.** releasing **B.** detecting **C.** reaching **D.** bonding

"Bonding" có nghĩa là kết nối, gắn kết, rất phù hợp với ngữ cảnh nấu ăn chung với người khác.  
releasing: Phóng thích (không phù hợp).  
detecting: Phát hiện (không phù hợp).  
reaching: Đạt được (không phù hợp).

***Mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the best arrangement of utterances or sentences to make a meaningful exchange or text in each of the following questions.***

**Question 13:** a. Emily: I think I'll have that! It sounds delicious.

b. John: You should definitely try their grilled salmon. It's the best!

c. Emily: Wow, this restaurant looks amazing! What should I order?  
 (Adapted from *English Material Trang Anh*)  
**A.** c-b-a **B.** b-a-c **C.** a-b-c **D.** a-c-b

a. Emily: Tôi nghĩ tôi sẽ chọn món đó! Nghe có vẻ ngon quá.  
b. John: Bạn nhất định phải thử món cá hồi nướng của họ. Nó là món ngon nhất!  
c. Emily: Wow, nhà hàng này trông thật tuyệt vời! Mình nên gọi món gì?

**Question 14:** a. Jack: Actually, I’m thinking about business as well.

b. Mike: Have you decided what you're going to study in university?

c. Mike: That sounds like a great choice! I’m sure you’ll enjoy it.  
d. Jack: I'm still not sure. I think I’ll try engineering.

(Adapted from *English Material Trang Anh*)  
 **A.** b-d-c-a **B.** a-c-b-d **C.** c-a-b-d **D.** a-b-d-c

a. Jack: Thật ra, mình cũng đang nghĩ đến việc học kinh doanh.  
b. Mike: Bạn đã quyết định sẽ học gì ở đại học chưa?  
(Adapted from English Material Minh Phát-Minh Nhí)  
c. Mike: Nghe có vẻ là một lựa chọn tuyệt vời! Mình chắc bạn sẽ thích nó.  
d. Jack: Mình vẫn chưa chắc chắn. Mình nghĩ sẽ thử học kỹ thuật.

**Question 15:** Hi Tom,  
a. I recently tried out the new Italian restaurant you recommended, and I have to say, it was fantastic!  
b. Their pasta was delicious, and the ambiance was just perfect for a relaxing evening.  
c. Thanks for the suggestion, I’ll definitely be going back.  
d. By the way, how’s your week going so far?  
e. Let’s catch up soon. Maybe we can grab lunch together next week.  
Best,  
Sarah

(Adapted from *English Material Trang Anh*)  
**A.** b-a-c-e-d **B.** a-b-c-d-e **C.** c-b-a-d-e **D.** e-d-b-c-a

Chào Tom,  
a. Mình vừa thử nhà hàng Ý mới mà cậu giới thiệu, và phải nói rằng, nó thật tuyệt vời!  
b. Món mì của họ rất ngon, và không gian thì thật hoàn hảo cho một buổi tối thư giãn.  
c. Cảm ơn vì đã gợi ý, mình chắc chắn sẽ quay lại.  
d. À, dạo này tuần của cậu thế nào?  
e. Chúng ta gặp lại sớm nhé. Có thể tuần sau chúng ta cùng đi ăn trưa.  
Chúc vui,  
Sarah

**Question 16:**

a. The city has become much more vibrant in recent years, with new businesses and events popping up everywhere.  
b. In addition, there has been a focus on improving public transportation and green spaces.  
c. These changes have made the city more attractive to tourists and new residents.  
d. The local government has been working hard to make the city a better place to live and work.  
e. Overall, it’s an exciting time for the city as it continues to grow and evolve.

(Adapted from *English Material Trang Anh*)  
**A.** c-b-d-a-e **B.** a-d-c-b-e **C.** a-c-d-e-b **D.** b-e-c-a-d

a. Thành phố đã trở nên sống động hơn rất nhiều trong những năm gần đây, với các doanh nghiệp và sự kiện mới xuất hiện khắp nơi.  
b. Thêm vào đó, đã có sự chú trọng vào việc cải thiện giao thông công cộng và các không gian xanh.  
c. Những thay đổi này đã làm cho thành phố trở nên hấp dẫn hơn đối với du khách và cư dân mới.  
d. Chính quyền địa phương đã và đang làm việc chăm chỉ để làm cho thành phố trở thành nơi sống và làm việc tốt hơn.  
e. Tổng thể, đây là một thời điểm thú vị cho thành phố khi nó tiếp tục phát triển và tiến hóa.

**Question 17:**

a. In the future, education is likely to be even more interactive and tailored to the individual learner’s needs.

b. The education system in many countries is undergoing a transformation, as schools adapt to the needs of a rapidly changing world.  
c. This shift is being driven by advances in technology, which allow for more personalized and flexible learning experiences.

e. However, there are concerns that these changes may leave some students behind, especially those without access to the necessary resources.  
d. To address these challenges, educators are increasingly focusing on developing students’ critical thinking and problem-solving skills.

(Adapted from *English Material Trang Anh*)  
 **A.** a-b-d-c-e **B.** e-d-c-b-a **C.** b-c-e-d-a **D.** d-e-b-c-a

a. Trong tương lai, giáo dục có thể sẽ còn tương tác nhiều hơn nữa và được cá nhân hóa theo nhu cầu của từng học sinh.  
b. Hệ thống giáo dục ở nhiều quốc gia đang trải qua một sự chuyển mình, khi các trường học thích ứng với nhu cầu của một thế giới thay đổi nhanh chóng.  
c. Sự thay đổi này đang được thúc đẩy bởi các tiến bộ công nghệ, cho phép có những trải nghiệm học tập linh hoạt và cá nhân hóa hơn.  
d. Để giải quyết những thách thức này, các nhà giáo dục đang tập trung ngày càng nhiều vào việc phát triển kỹ năng tư duy phản biện và giải quyết vấn đề của học sinh.  
e. Tuy nhiên, có những lo ngại rằng những thay đổi này có thể để lại một số học sinh phía sau, đặc biệt là những em không có đủ tài nguyên cần thiết.

***Mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the correct option that best fits each of the numbered blanks.***

At the age of 19 months, Helen Keller lost her vision and hearing due to an illness, (18)\_\_\_\_\_\_\_\_. Luckily, at seven years old, she (19)\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_, who became her lifelong teacher. With Sullivan’s assistance, Keller learned to read and write using Braille. In 1904, she graduated from Radcliffe College with a BA in philosophy, (20)\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ to obtain a college degree.

Unlike Helen Keller, Albert Einstein, (21)\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ in his early life, finally found his passion in science and mathematics after years of difficulty at school. At 26 years old, Einstein received a doctorate in physics from the University of Zurich. Then, Einstein started doing some of the most groundbreaking work in the history of the field, including his theory of relativity, which changed the field of physics forever and earned him the Nobel Prize in Physics in 1921.

Despite their incredible achievements, both Helen Keller and Albert Einstein remained lifelong learners. Keller continued reading and writing all her life and she published 12 fantastic books, including her inspirational autobiography, The Story of My Life. As for Einstein, after receiving his Nobel Prize, he continued researching new ideas and stayed active in the scientific community until he passed away in 1955.

The lives of Keller and Einstein are proof of the importance and value of lifelong learning. Through their hard work and dedication, they showed (22)\_\_\_\_\_\_\_\_\_ if they have a strong desire to learn.

(Adapted from *Bright*)

**Question 18:** **A.** which she made her learning extremely difficult

**B.** made her learning extremely difficult

**C.** caused difficulty for her learning

**D.** which made her learning extremely difficult

Trong câu này, "which" là đại từ quan hệ dùng để nối mệnh đề phụ vào mệnh đề chính.  
"which" thay thế cho mệnh đề trước đó, mô tả tác động của việc mất thị lực và thính giác đối với việc học của Helen Keller. Câu này muốn nói rằng việc mất thị giác và thính giác là nguyên nhân khiến việc học của Keller trở nên rất khó khăn.  
"which made" là một cụm từ chỉ nguyên nhân, giải thích lý do tại sao việc học của Helen Keller trở nên cực kỳ khó khăn

**Question 19:** **A.** was introduced to Anne Sullivan

**B.** having been introduced to Anne Sullivan

**C.** who was introduced to Anne Sullivan

**D.** introducing to Anne Sullivan

Câu này cần dùng dạng bị động vì chủ ngữ (Helen Keller) không phải là người thực hiện hành động "giới thiệu". Cô ấy được người khác giới thiệu với Anne Sullivan.  
Các phương án khác như "having been introduced" hay "who was introduced" không phù hợp với ngữ pháp và ngữ cảnh của câu

**Question 20:** **A.** with which she became the first blind and deaf person ever

**B.** which she became the first blind and deaf person ever

**C.** of which the blind and deaf person she initially became ever

**D.** that initially became the blind and deaf person ever

"with which" là một cách dùng để mô tả mối quan hệ giữa vật và hành động được thực hiện nhờ vật đó. Trong trường hợp này, "with which" liên kết "a BA in philosophy" (bằng cử nhân triết học) với kết quả là "she became the first blind and deaf person ever to obtain a college degree" (cô trở thành người mù và điếc đầu tiên có được bằng đại học).

**Question 21:** **A.** withou struggling seriously with his academic performance

**B.** struggling seriously with his academic performance

**C.** struggled seriously with his academic performance

**D.** who struggling seriously with his academic performance

Giản lược mệnh đề quan hệ dạng chủ động  
"Struggling seriously with his academic performance" mô tả việc Einstein gặp khó khăn nghiêm trọng trong học tập.

**Question 22:** **A.** what anyone can achieve greatness

**B.** achieving greatness for anyone

**C.** that anyone can achieve greatness

**D.** greatness is able to achieve for anyone

"That" là một từ liên kết giới thiệu một mệnh đề danh từ, cụ thể ở đây là "that anyone can achieve greatness" nhằm làm rõ thông điệp về việc "ai cũng có thể đạt được vĩ đại nếu có sự cố gắng".  
Các lựa chọn khác như "what anyone can achieve greatness" hay "greatness is able to achieve for anyone" không chính xác về cấu trúc ngữ pháp và ý nghĩa. "What" thường dùng để chỉ sự vật, sự việc, không phải mệnh đề danh từ như ở đây, còn "greatness is able to achieve" không phù hợp vì nó không diễn đạt được ý nghĩa câu và greatness không tự làm hành động achieve.

***Read the following passage about Cải Lương and mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the best answer to each of the following questions.***

Cải Lương**,** a form of traditional Vietnamese theatre, emerged around the 1910s and gained popularity among the communities in the south, especially in the Mekong Delta region. In the early years, Cải Lương performances were held in makeshift theatres or open-air spaces, and the plays were often performed by itinerant troupes. Just like a Western circus, they travelled together from place to place, with their families. The children grew up under the influence of parents, aunts, and uncles and became actors and actresses when **they** were kids.

**Cải Lương uses a combination of music, singing, acting, and dance to depict a wide range of themes and stories**. These include historical events, folklore, legends, and contemporary social issues. The performances are characterised by vibrant costumes, bold makeup, and expressive gestures. With its diverse repertoire, Cải Lương offers a reflection on Vietnamese culture, history, values, and societal concerns.

The **distinctive** music in Cải Lương is created by the combination of a variety of instruments. They include the đàn tranh, a 16-stringed zither with movable bridges, the đàn nguyệt, a two-stringed moon-shaped lute, the đàn cò, a two-stringed fiddle, and a bamboo flute. These instruments produce a melodic and unique sound that complements the storytelling and singing in Cải Lương.

Cải Lương owes its development to numerous talented individuals who have contributed their skills and creativity over the years. Prominent figures like Bảy Nam, Phùng Há, and Út Trà Ôn, together with others, played crucial roles in shaping and popularising Cải Lương**.** Through their dedication and artistry, they elevated Cải Lương to become a **cherished** cultural tradition in Vietnam. Their contributions continue to inspire generations of performers and ensure the preservation of this rich theatrical heritage.

At present, Cải Lương faces concerns about its future due to the declining interest among younger generations and the influence of modern entertainment. However, efforts to raise awareness, engage new audiences, and adapt to new tastes may safeguard the sustainability of Cải Lương in the years to come.

(Adapted from *Friends Global*)

**Question 23:** Which of the following is NOT mentioned as a feature of Cải Lương?  
 **A.** Combination of music, singing, acting, and dance  
 **B.** Performances about contemporary social issues  
 **C.** Western circus-style performances  
 **D.** Use of modern technology in performances

Which of the following is NOT mentioned as a feature of Cải Lương?  
(Dưới đây là một số đặc điểm của Cải Lương. Cái nào không được đề cập?)  
A. Combination of music, singing, acting, and dance  
(Sự kết hợp giữa âm nhạc, hát, diễn xuất và múa)  
B. Performances about contemporary social issues  
(Các buổi biểu diễn về các vấn đề xã hội đương đại)  
C. Western circus-style performances  
(Các buổi biểu diễn theo kiểu gánh xiếc phương Tây)  
D. Use of modern technology in performances  
(Sử dụng công nghệ hiện đại trong các buổi biểu diễn)  
Đáp án: D  
Giải thích:  
Bài viết không đề cập đến việc sử dụng công nghệ hiện đại trong các buổi biểu diễn Cải Lương. Nó chỉ nói về sự kết hợp giữa âm nhạc, hát, diễn xuất và múa, và các vở diễn thường liên quan đến các vấn đề xã hội đương đại, nhưng không có đề cập đến công nghệ.  
Dẫn chứng cụ thể:

"Cải Lương uses a combination of music, singing, acting, and dance to depict a wide range of themes and stories. These include historical events, folklore, legends, and contemporary social issues." (Đoạn 2)

**Question 24:** The word **distinctive** in paragraph 3 is **OPPOSITE** in meaning to\_\_\_\_\_\_\_\_.

**A.** unique **B.** ordinary **C.** specific **D.** notable

The word "distinctive" in paragraph 3 is OPPOSITE in meaning to \_\_\_\_\_\_\_.  
(Từ "distinctive" trong đoạn 3 có nghĩa trái ngược với từ nào dưới đây?)  
A. unique (độc đáo)  
B. ordinary (bình thường)  
C. specific (cụ thể)  
D. notable (nổi bật)  
Đáp án: B  
Giải thích:  
Từ "distinctive" có nghĩa là đặc biệt, khác biệt, và đối lập với "ordinary" (bình thường), có nghĩa là không đặc biệt.  
Dẫn chứng cụ thể:  
"The distinctive music in Cải Lương is created by the combination of a variety of instruments." (Đoạn 3)  
"Âm nhạc đặc trưng trong Cải Lương được tạo ra bởi sự kết hợp của nhiều loại nhạc cụ."

### Question 25: The word they in paragraph 1 refers to\_\_\_\_\_\_\_\_.

**A.** actors and actresses **B.** families **C.** children **D.** plays

Giải thích:  
The children grew up under the influence of parents, aunts, and uncles and became actors and actresses when they were kids.  
Bọn trẻ lớn lên dưới sự ảnh hưởng của cha mẹ, dì và chú bác và trở thành những diễn viên khi còn nhỏ.

**Question 26:** In paragraph 4, the word **cherished** could be best replaced by\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_.  
 **A.** ignored **B.** valued **C.** neglected **D.** modernized

In paragraph 4, the word "cherished" could be best replaced by \_\_\_\_\_.  
(Từ "cherished" trong đoạn 4 có thể được thay thế tốt nhất bằng từ nào?)  
A. ignored (bị bỏ qua)  
B. valued (được trân trọng)  
C. neglected (bị bỏ bê)  
D. modernized (hiện đại hóa)  
Đáp án: B  
Giải thích:  
"Từ 'cherished' có nghĩa là được trân trọng, yêu quý, vì vậy từ thay thế tốt nhất là 'valued' (được trân trọng)."  
Dẫn chứng cụ thể:  
"Through their dedication and artistry, they elevated Cải Lương to become a cherished cultural tradition in Vietnam." (Đoạn 4)  
"Thông qua sự cống hiến và tài nghệ của họ, họ đã nâng tầm Cải Lương trở thành một truyền thống văn hóa được trân trọng tại Việt Nam."

**Question 27:** Which of the following best paraphrases the underlined sentence in paragraph 2?  
 **A.** Cải Lương is a form of theatre with a narrow range of themes and stories.  
 **B.** Cải Lương incorporates various art forms to portray a wide variety of topics.  
 **C.** The performances in Cải Lương mainly focus on traditional themes and old legends.  
 **D.** Cải Lương performances are only focused on historical events.

Which of the following best paraphrases the underlined sentence in paragraph 2?  
(Câu nào sau đây diễn đạt tốt nhất câu đã gạch chân trong đoạn 2?)  
A. Cải Lương is a form of theatre with a narrow range of themes and stories.  
(Cải Lương là một thể loại kịch với một phạm vi chủ đề và câu chuyện hẹp.)  
B. Cải Lương incorporates various art forms to portray a wide variety of topics.  
(Cải Lương kết hợp nhiều hình thức nghệ thuật để miêu tả nhiều chủ đề khác nhau.)  
C. The performances in Cải Lương mainly focus on traditional themes and old legends.  
(Các buổi biểu diễn trong Cải Lương chủ yếu tập trung vào các chủ đề truyền thống và các huyền thoại cổ.)  
D. Cải Lương performances are only focused on historical events.  
(Các buổi biểu diễn Cải Lương chỉ tập trung vào các sự kiện lịch sử.)  
Đáp án: B  
Giải thích:  
Câu gạch chân đề cập đến sự kết hợp của âm nhạc, hát, diễn xuất và múa để miêu tả một loạt các chủ đề khác nhau, bao gồm cả những vấn đề xã hội đương đại. Điều này tương ứng với phương án B.  
Dẫn chứng cụ thể:  
"Cải Lương uses a combination of music, singing, acting, and dance to depict a wide range of themes and stories. These include historical events, folklore, legends, and contemporary social issues." (Đoạn 2)  
"Cải Lương sử dụng sự kết hợp giữa âm nhạc, hát, diễn xuất và múa để miêu tả một loạt các chủ đề và câu chuyện. Những chủ đề này bao gồm các sự kiện lịch sử, truyện dân gian, huyền thoại và các vấn đề xã hội đương đại."

**Question 28:** Which of the following is TRUE according to the passage?  
 **A.** Cải Lương was first developed in northern Vietnam and later spread to the southern regions, where it became popular.  
 **B.** Cải Lương’s performance style, which involves acting, music, and dance, is influenced by Western circus performances, especially itinerant troupes.  
 **C.** The Tuvan language is characterized by modern themes, particularly those set in urban environments, which reflect the changing cultural context.  
 **D.** Bảy Nam and Phùng Há were instrumental in maintaining and promoting Cải Lương as a cherished and traditional art form in Vietnam throughout the years.

Which of the following is TRUE according to the passage?  
(Câu nào sau đây là ĐÚNG theo bài đọc?)  
A. Cải Lương was first developed in northern Vietnam and later spread to the southern regions, where it became popular.  
(Cải Lương được phát triển đầu tiên ở miền Bắc Việt Nam và sau đó lan rộng đến các khu vực miền Nam, nơi nó trở nên phổ biến.)  
B. Cải Lương's performance style, which involves acting, music, and dance, is influenced by Western circus performances, especially itinerant troupes.  
(Phong cách biểu diễn của Cải Lương, bao gồm diễn xuất, âm nhạc và múa, bị ảnh hưởng bởi các buổi biểu diễn gánh xiếc phương Tây, đặc biệt là các đoàn lưu động.)  
C. The Tuvan language is characterized by modern themes, particularly those set in urban environments, which reflect the changing cultural context.  
(Ngôn ngữ Tuvan có đặc điểm là các chủ đề hiện đại, đặc biệt là các chủ đề diễn ra trong môi trường đô thị, phản ánh bối cảnh văn hóa đang thay đổi.)  
D. Bảy Nam and Phùng Há were instrumental in maintaining and promoting Cải Lương as a cherished and traditional art form in Vietnam throughout the years.  
(Bảy Nam và Phùng Há đóng vai trò quan trọng trong việc bảo tồn và phổ biến Cải Lương như một thể loại nghệ thuật truyền thống và yêu mến ở Việt Nam trong suốt các năm qua.)  
Đáp án: D  
Giải thích:  
Bài viết đã nhấn mạnh vai trò của các cá nhân như Bảy Nam và Phùng Há trong việc phát triển và phổ biến Cải Lương. Phương án D là đúng.  
Dẫn chứng cụ thể:  
"Prominent figures like Bảy Nam, Phùng Há, and Út Trà Ôn, together with others, played crucial roles in shaping and popularising Cải Lương." (Đoạn 4)  
"Các nhân vật nổi bật như Bảy Nam, Phùng Há và Út Trà Ôn, cùng với những người khác, đã đóng vai trò quan trọng trong việc hình thành và phổ biến Cải Lương."

**Question 29:** In which paragraph does the writer discuss the historical significance of Cải Lương?  
 **A.** Paragraph 1 **B.** Paragraph 2 **C.** Paragraph 3 **D.** Paragraph 4

In which paragraph does the writer discuss the historical significance of Cải Lương?  
(Trong đoạn nào, tác giả đề cập đến tầm quan trọng lịch sử của Cải Lương?)  
A. Paragraph 1 (Đoạn 1)  
B. Paragraph 2 (Đoạn 2)  
C. Paragraph 3 (Đoạn 3)  
D. Paragraph 4 (Đoạn 4)  
Đáp án: D  
Giải thích:  
Tác giả nói về sự quan trọng lịch sử của Cải Lương trong đoạn 4, khi nói về sự cống hiến của các nhân vật như Bảy Nam và Phùng Há trong việc bảo tồn và phát triển Cải Lương như một truyền thống văn hóa quan trọng.  
Dẫn chứng cụ thể:  
"Through their dedication and artistry, they elevated Cải Lương to become a cherished cultural tradition in Vietnam." (Đoạn 4)  
"Thông qua sự cống hiến và tài nghệ của họ, họ đã nâng tầm Cải Lương trở thành một truyền thống văn hóa được trân trọng tại Việt Nam."

### Question 30: Which paragraph mentions actions being taken to maintain the tradition of Cải Lương?

### A. Paragraph 1 B. Paragraph 2 C. Paragraph 4 D. Paragraph 5

### Which paragraph mentions actions being taken to maintain the tradition of Cải Lương? (Đoạn nào đề cập đến các hành động đang được thực hiện để duy trì truyền thống Cải Lương?) A. Paragraph 1 (Đoạn 1) B. Paragraph 2 (Đoạn 2) C. Paragraph 4 (Đoạn 4) D. Paragraph 5 (Đoạn 5) Đáp án: D Giải thích: Trong đoạn 5, tác giả nói về những nỗ lực để nâng cao nhận thức và thu hút khán giả mới nhằm bảo tồn Cải Lương trong tương lai. Dẫn chứng cụ thể: "However, efforts to raise awareness, engage new audiences, and adapt to new tastes may safeguard the sustainability of Cải Lương in the years to come." (Đoạn 5) "Tuy nhiên, những nỗ lực nâng cao nhận thức, thu hút khán giả mới và thích ứng với khẩu vị mới có thể bảo vệ sự bền vững của Cải Lương trong những năm tới."

***Read the following passage about The Longitude Prize*** ***and mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the best answer to each of the following questions***

On a stormy night in 1707, four ships struck rocks off the south coast of England and sank. **[I]** One thousand, four hundred sailors were drowned. **[II]** The ships had crashed because they had no way of knowing how far they had travelled in a particular direction; they could not calculate their longitude, which required accurate time measurement. **[III]** In such difficult circumstances, they believed that the best response to the disaster was a competition: the Longitude Prize. **[IV]**

The Longitude Prize was no ordinary competition. To win it, someone had to find a way of calculating how far a ship had travelled east or west from its point of departure. Geniuses such as Sir Isaac Newton had failed to find a solution, so to **ensure the interest** of Britain’s greatest scientific minds, the government offered a prize of £20,000 — the equivalent of £2.6 million in today’s money. But to everyone’s surprise, it wasn’t a famous academic who solved the problem, but an unknown carpenter.

When John Harrison wasn’t working with wood, he was making clocks. An accurateclock would allow sailors to calculate their position, but at the time it was thought impossible to create a mechanical clock that could work on a ship. The movement of the sea and the changes in temperature destroyed the delicate parts. However, after three frustrated attempts, Harrison’s fourth sea clock, H4, finally **triumphed**. Its mechanics were so good that the H4 worked better than most clocks on land.

The Longitude Prize and Harrison’s success generated a lot of interest in the 18th century, but it was soon forgotten. **However, in 2013, the British government created a new Longitude Prize, offering £10 million to the person who could solve a great challenge to humanity**. An enthralled public then took part in a TV programme where viewers chose one challenge from a list of six for scientists to focus on. The question now is, will someone be able to solve **it** just as well as Harrison solved the challenge presented to him?

(Adapted from *Friends Global*)

**Question 31:** Where in paragraph 1 does the following sentence best fit?  
**It was the most serious in a series of accidents at sea, and a stunned British government decided to act**  
 **A. [I] B. [II] C. [III] D. [IV]**

Câu sau đây phù hợp với đoạn nào trong đoạn 1.  
"It was the most serious in a series of accidents at sea, and a stunned British government decided to act."  
A. [I]  
B. [II]  
C. [III]  
D. [IV]  
Giải thích: Câu này phù hợp với đoạn văn III, vì đây là nơi mô tả tai nạn nghiêm trọng nhất trong loạt các tai nạn ở biển và là lý do khiến chính phủ Anh quyết định hành động. Câu này giải thích lý do của sự việc và là lý do khởi nguồn cho việc tạo ra giải thưởng Longitude.  
Dẫn chứng:  
"The ships had crashed because they had no way of knowing how far they had travelled in a particular direction; they could not calculate their longitude, which required accurate time measurement. In such difficult circumstances, they believed that the best response to the disaster was a competition: the Longitude Prize."  
"Những con tàu đã đâm vào đá vì họ không có cách nào xác định được họ đã di chuyển được bao xa theo một hướng nhất định; họ không thể tính toán được kinh độ, điều này đòi hỏi phải có phép đo thời gian chính xác. Trong hoàn cảnh khó khăn như vậy, họ tin rằng phản ứng tốt nhất đối với thảm họa này là một cuộc thi: Giải thưởng Longitude.

**Question 32:** The phrase "**ensure the interest**" in paragraph 2 could be best replaced by \_\_\_\_.  
 **A.** guarantee the motivation **B.** secure the attention  
 **C.** maintain the involvement **D.** stimulate the curiosity

**Cụm từ "ensure the interest" trong đoạn 2 có thể được thay thế tốt nhất bằng**  
A. bảo đảm động lực  
B. bảo đảm sự chú ý  
C. duy trì sự tham gia  
D. kích thích sự tò mò

**Giải thích:** Cụm từ "ensure the interest" có thể thay thế bằng "secure the attention" (bảo đảm sự chú ý). Câu này nói về việc chính phủ muốn đảm bảo sự quan tâm của các nhà khoa học hàng đầu Anh, vì vậy "secure the attention" là cách thay thế phù hợp.

**Dẫn chứng:**  
"...so to ensure the interest of Britain's greatest scientific minds, the government offered a prize of £20,000..."  
"Vì vậy, để đảm bảo sự chú ý của những bộ óc khoa học vĩ đại nhất của Anh, chính phủ đã đưa ra giải thưởng 20.000 bảng."

**Question 33:** The word **it** in paragraph 4 refers to \_\_\_\_.  
 **A.** one challenge **B.** the question **C.** a list **D.** a TV programme

**Từ "it" trong đoạn 4 chỉ đến**  
A. một thử thách  
B. câu hỏi  
C. danh sách  
D. chương trình truyền hình

**Giải thích:** Từ "it" trong đoạn văn này ám chỉ "one challenge" (một thử thách) mà công chúng được yêu cầu lựa chọn trong chương trình truyền hình, là một phần của giải thưởng Longitude mới được tạo ra.

**Dẫn chứng:**  
"The question now is, will someone be able to solve it just as well as Harrison solved the challenge presented to him?"  
"Câu hỏi bây giờ là liệu ai đó có thể giải quyết nó một cách tốt như Harrison đã giải quyết thử thách mà ông ấy đã đối mặt không?"

**Question 34:** According to paragraph 4, which of the following is NOT a problem that arose from using mechanical clocks on ships?  
 **A.** Temperature fluctuations damaged the clocks.

**B.** The clocks were too large to carry.  
 **C.** The movement of the ship disrupted the clocks.

**D.** The clocks couldn’t withstand sea conditions.

**Theo đoạn 4, điều nào sau đây KHÔNG phải là vấn đề phát sinh từ việc sử dụng đồng hồ cơ trên tàu?**  
A. Biến động nhiệt độ làm hỏng đồng hồ.  
B. Đồng hồ quá lớn để mang theo.  
C. Chuyển động của tàu làm gián đoạn hoạt động của đồng hồ.  
D. Đồng hồ không thể chịu được điều kiện trên biển.

**Giải thích:** Các vấn đề được nhắc đến trong bài về đồng hồ cơ khí trên tàu là sự thay đổi nhiệt độ, sự chuyển động của tàu và điều kiện biển làm hỏng đồng hồ. Tuy nhiên, không có đề cập đến việc đồng hồ quá lớn để mang theo.

**Dẫn chứng:**  
"The movement of the sea and the changes in temperature destroyed the delicate parts."  
“Sự chuyển động của biển và sự thay đổi nhiệt độ làm hỏng các bộ phận tinh xảo."

**Question 35:** Which of the following best summarises paragraph 3?  
 **A.** John Harrison’s successful sea clock was a result of his perseverance and craftsmanship.  
 **B.** Harrison’s clock was an immediate success, solving all the challenges of maritime navigation.  
 **C.** Harrison’s clock was eventually successful after multiple attempts, despite initial skepticism.  
 **D.** John Harrison's first three attempts were failures, but he later perfected the design.

**Câu nào sau đây tóm tắt tốt nhất đoạn 4?**  
A. Đồng hồ thành công của John Harrison là kết quả của sự kiên trì và tay nghề của ông.  
B. Đồng hồ của Harrison là thành công ngay lập tức, giải quyết tất cả các thách thức của điều hướng hàng hải.  
C. Đồng hồ của Harrison cuối cùng đã thành công sau nhiều lần thử nghiệm, bất chấp sự hoài nghi ban đầu.  
D. Ba lần thử của John Harrison là thất bại, nhưng sau đó ông đã hoàn thiện thiết kế.

**Giải thích:** Câu C là tóm tắt chính xác nhất vì đoạn văn nói rằng Harrison đã gặp phải ba thất bại trước khi thành công với chiếc đồng hồ H4.

**Question 36:** The word **triumphed** in paragraph 3 is **OPPOSITE** in meaning to \_\_\_\_  
 **A.** failed **B.** prevailed **C.** succeed **D.** achieved

**Từ "triumphed" trong đoạn 3 có nghĩa trái ngược với**  
A. thất bại  
B. chiến thắng  
C. thành công  
D. đạt được

**Giải thích:** Từ "triumphed" có nghĩa là chiến thắng, vì vậy từ trái nghĩa sẽ là "failed" (thất bại).

**Dẫn chứng:**  
"Harrison's fourth sea clock, H4, finally triumphed."  
"Chiếc đồng hồ biển thứ tư của Harrison, H4, cuối cùng đã chiến thắng."

**Question 37:** Which of the following is TRUE according to the passage?  
 **A.** The original Longitude Prize was primarily won by scientists from abroad.  
 **B.** Sir Isaac Newton solved the problem of calculating longitude with his invention.  
 **C.** John Harrison’s clock played a crucial role in winning the Longitude Prize.  
 **D.** The Longitude Prize was awarded to multiple inventors for their inventions.

**Điều nào sau đây là ĐÚNG theo đoạn văn?**  
A. Giải thưởng Longitude ban đầu chủ yếu được giành bởi các nhà khoa học từ nước ngoài.  
B. Sir Isaac Newton đã giải quyết vấn đề tính toán kinh độ bằng phát minh của mình.  
C. Đồng hồ của John Harrison đóng vai trò quan trọng trong việc giành giải thưởng Longitude.  
D. Giải thưởng Longitude được trao cho nhiều nhà phát minh vì các phát minh của họ.

Phương án C (Đồng hồ của John Harrison đóng vai trò quan trọng trong việc giành giải thưởng Longitude) là đúng, vì Harrison là người đã giải quyết vấn đề về kinh độ và giành giải thưởng Longitude.

**Dẫn chứng:**  
"It wasn't a famous academic who solved the problem, but an unknown carpenter."  
“Không phải chính một học giả nổi tiếng giải quyết vấn đề, mà là một người thợ mộc vô danh.”

**Question 38:** Which of the following best paraphrases the underlined sentence in paragraph 4?  
 **A.** The British government once again created a new competition in 2013 with a larger cash prize.  
 **B.** The new Longitude Prize was launched in 2013 to address a pressing global challenge.  
 **C.** A different competition was introduced to solve the same old problems in 2013  
 **D.** The new competition built upon the achievements of Harrison’s victory in the original Longitude Prize in 2013

**Câu sau đây có thể diễn đạt lại câu văn gạch chân trong đoạn 4 như thế nào?**  
A. Chính phủ Anh một lần nữa tạo ra một cuộc thi mới vào năm 2013 với giải thưởng tiền mặt lớn hơn.  
B. Giải thưởng Longitude mới được tạo ra vào năm 2013 để giải quyết một thử thách lớn đối với nhân loại.  
C. Một cuộc thi khác đã được giới thiệu để giải quyết các vấn đề cũ vào năm 2012  
D. Cuộc thi mới đã xây dựng trên thành công của chiến thắng của Harrison trong giải thưởng Longitude ban đầu vào năm 2013

**Giải thích:** Câu này nói rằng chính phủ Anh tạo ra một giải thưởng mới để giải quyết thử thách lớn đối với nhân loại, không phải chỉ đơn giản là một giải thưởng lớn hơn.

"However, in 2013, the British government created a new Longitude Prize, offering £10 million to the person who could solve a great challenge to humanity."  
"Tuy nhiên, vào năm 2013, chính phủ Anh đã tạo ra một giải thưởng Longitude mới, tặng 10 triệu bảng cho người có thể giải quyết một thử thách lớn đối với nhân loại."

**Question 39:** Which of the following can be inferred from the passage?  
 **A.** The Longitude Prize remains the most famous scientific competition in history.  
 **B.** Technological advancements over the centuries have rendered the Longitude Prize irrelevant.  
 **C.** The success of the original Longitude Prize has influenced modern scientific challenges.  
 **D.** The public's response to the new Longitude Prize in 2013 was underwhelming.

**Điều nào sau đây có thể suy ra từ đoạn văn?**  
A. Giải thưởng Longitude vẫn là cuộc thi khoa học nổi tiếng nhất trong lịch sử.  
B. Những tiến bộ công nghệ qua các thế kỷ đã làm cho giải thưởng Longitude trở nên không còn quan trọng.  
C. Thành công của giải thưởng Longitude ban đầu đã ảnh hưởng đến các thử thách khoa học hiện đại.  
D. Phản ứng của công chúng đối với giải thưởng Longitude mới vào năm 2013 là không đáng kể.

**Giải thích:** Bài viết đề cập đến ảnh hưởng lâu dài của giải thưởng Longitude, đặc biệt là sự ảnh hưởng đến các thử thách khoa học hiện đại.

**Dẫn chứng:**  
"An enthrallted public then took part in a TV programme where viewers chose one challenge from a list of six for scientists to focus on.”  
“Công chúng say mê sau đó tham gia một chương trình truyền hình, nơi khán giả chọn một thử thách trong danh sách sáu thử thách mà các nhà khoa học tập trung vào.”

"The question now is, will someone be able to solve it just as well as Harrison solved the challenge presented to him?" "Câu hỏi bây giờ là liệu ai đó có thể giải quyết nó một cách tốt như Harrison đã giải quyết thử thách mà ông ấy đã đối mặt không?"

**Question 40:** Which of the following best summarises the passage?  
 **A.** The Longitude Prize inspired the development of accurate sea clocks, influencing modern scientific challenges.  
 **B.** John Harrison’s invention solved a centuries-old maritime problem, paving the way for future scientific prizes.  
 **C.** From disaster to discovery, the Longitude Prize changed the course of maritime navigation and inspired modern competitions.  
 **D.** The Longitude Prize was an important but short-lived event that contributed little to the advancement of science.

**Câu nào sau đây tóm tắt tốt nhất bài đọc?**  
A. Giải thưởng Longitude đã truyền cảm hứng phát triển đồng hồ biển chính xác, ảnh hưởng đến các thử thách khoa học hiện đại.  
B. Phát minh của John Harrison đã giải quyết một vấn đề hàng hải tồn tại hàng thế kỷ, mở đường cho các giải thưởng khoa học trong tương lai.  
C. Từ thảm họa đến khám phá, giải thưởng Longitude đã thay đổi hướng đi của ngành hàng hải và truyền cảm hứng cho các cuộc thi hiện đại.  
D. Giải thưởng Longitude là một sự kiện quan trọng nhưng ngắn ngủi, không đóng góp nhiều cho sự phát triển khoa học.

**Giải thích:**  
Phương án C (Từ thảm họa đến phát hiện, giải thưởng Longitude đã thay đổi hướng đi của ngành hàng hải và truyền cảm hứng cho các cuộc thi hiện đại) là tóm tắt chính xác nhất vì bài viết đề cập đến cách giải thưởng Longitude thay đổi ngành hàng hải và tạo cảm hứng cho các cuộc thi khoa học sau này.

**------------------ THE END -----------------**

*- Thí sinh không được sử dụng tài liệu;*

*- Giám thị không giải thích gì thêm.*